

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kỳ Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Kỳ Anh; Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kỳ Anh;

Căn cứ Nghị Quyết số 115/NQ-HĐND ngày 06/6/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (điều chỉnh, bổ sung) từ năm 2023.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh tại Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 13/7/2023; của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2945/TTr-STMMT ngày 18/7/2023; sau khi các Thành viên UBND tỉnh biểu quyết đồng ý (qua Phần mềm Điện tử TD và Phiếu giấy).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kỳ Anh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
					LUA	RPH	RDD	ĐẤT KHÁC			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh										
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh (Điều 61 Luật Đất đai năm 2013)										
II	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng										
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI (8 công trình, dự án)	28,23		28,23	0,79			27,44			
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất (Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013) 6 CTDA	3,67		3,67	0,79			2,88			
I.1	Đất công trình năng lượng	1,82		1,82	0,79			1,03			
1	Xây dựng 3 xuất tuyến 35kV sau trạm biến áp 110kV Kỳ Anh 2, tỉnh Hà Tĩnh	0,17		0,17	0,16			0,01	Xã Kỳ Đồng, Kỳ Giang	240	Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 06/06/2023 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng 2 xuất tuyến 22kV sau trạm biến áp 110kV Kỳ Anh 2, tỉnh Hà Tĩnh	0,87		0,87	0,05			0,82	Xã Kỳ Đồng	241	Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 06/06/2023 của HĐND tỉnh
3	Xử lý khoảng chống dây dẫn văng lác vào công trình ngoài hành lang khoảng cột 114-115; 115-116; 120-121; 121-122 đường dây 500kV Hà Tĩnh - Hà Tĩnh - Vũng Áng	0,08		0,08	0,08				Xã Kỳ Văn, Kỳ Tân	242	Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 06/06/2023 của HĐND tỉnh
4	Xây dựng ĐZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã bổ sung năm 2023	0,70		0,70	0,50			0,20	Các xã	243	Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 06/06/2023 của HĐND tỉnh
I.2	Đất thủy lợi	1,85		1,85				1,85			
1	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khe Sung, huyện Kỳ Anh	1,00		1,00				1,00	Xã Lâm Hợp, Kỳ Sơn	244	Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 06/06/2023 của HĐND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
					LUA	RPH	RDD	ĐẤT KHÁC			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh	0,85		0,85				0,85	Xã Kỳ Lạc	245	Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 06/06/2023 của HĐND tỉnh
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất (02 CTDA)	24,56		24,56				24,56			
II.1	Đất ở nông thôn	1,50		1,50				1,50			
1	Đấu giá đất ở xen dầm vùng Kê, thôn Trung Tiến	1,50		1,50				1,50	Xã Kỳ Khang	246	
II.2	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	23,06		23,06				23,06			
1	Mỏ cát xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh phục vụ thi công Dự án thành phần đoạn Hàm Nghi - Vũng Áng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	23,06		23,06				23,06	Xã Kỳ Lạc	247	Quyết định số 1560/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung mỏ cát tại xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
TỔNG A + B= 8 CT, DA		28,23		28,23	0,79			27,44			

2. Tổng hợp số liệu sau khi bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		76.027,89	76.027,89
1	Đất nông nghiệp	NNP	63.071,80	63.065,92
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.620,27	6.619,48
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	5.793,68	5.792,89
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.401,94	3.401,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.528,59	6.527,97
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	14.849,43	14.849,43
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	3.928,11	3.928,11
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	26.664,62	26.660,56
	<i>Trong đó: Đất có rừng tự nhiên sản xuất</i>	RSN	6.085,08	6.085,08
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	473,73	473,73
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	605,08	605,08
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.974,44	11.986,49
2.1	Đất quốc phòng	CQP	242,17	242,17
2.2	Đất an ninh	CAN	4,53	4,53
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	40,00	40,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	62,56	62,56
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	132,07	132,07
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	88,26	111,32
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	124,74	124,74
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8.212,45	8.216,12
	<i>Đất giao thông</i>	DGT	3.065,02	3.065,02
	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	4.222,08	4.223,93
	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	DVH	9,30	9,30
	<i>Đất cơ sở y tế</i>	DYT	10,06	10,06
	<i>Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	100,00	100,00
	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	DTT	86,86	86,86
	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	17,23	19,05
	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	DBV	3,27	3,27
	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG		
	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	1,32	1,32
	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	60,47	60,47
	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	12,06	12,06
	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	NTD	613,00	613,00
	<i>Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	DKH		
	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH		
	<i>Đất chợ</i>	DCH	11,78	11,78
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	33,14	33,14
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,12	4,12
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.369,84	1.371,34
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,61	24,61
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,23	3,23
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	17,66	17,66
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	714,08	697,90
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	900,34	900,34
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,65	0,65
3	Đất chưa sử dụng	CSD	981,65	975,48

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Kỳ Anh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh